

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 12 - 8- 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hữu Ý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sỹ và Bà Phùng Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ là thư ký Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh ngày 28/3/1988; căn cước công dân số: 0371880125xx; địa chỉ: xóm D K (nay là xóm D), xã K, tỉnh Ninh Bình; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn L, sinh ngày 14/9/1988; căn cước công dân số: 0370880132xx; nơi đăng ký thường trú: xóm D K (nay là xóm D), xã K, tỉnh Ninh Bình; hiện đang sinh sống tại Nhật Bản(không rõ địa chỉ); anh L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị L1 trình bày: Chị Đinh Thị H và anh Đoàn Văn L tự do tìm hiểu và quyết định kết hôn vào ngày 25/8/2011 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã K, tỉnh Ninh Bình). Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng nhưng vẫn cố gắng khắc phục; đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống hôn nhân rạn nứt nên anh Đoàn Văn L đã quyết định xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu anh L thường xuyên gọi điện chia sẻ cuộc sống và công việc; cứ khoảng 2 năm anh L về thăm gia đình một lần. Tuy nhiên sự xa cách về mặt địa lý dần khiến tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, anh L không còn liên lạc về cho vợ con.

Cuối năm 2025 anh L có về Việt Nam nhưng anh cũng không quan tâm gì tới vợ con; cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, nên chị đã làm đơn yêu cầu xin ly hôn, song muốn cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh L không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên căng thẳng hơn và anh L lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Văn L có hai con chung là cháu Đoàn Thị Bảo T sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1 sinh ngày 27/9/2018 hiện đang do một mình chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và đảm bảo về mọi mặt. Nay ly hôn chị H đề nghị giao cháu H1 và cháu T cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh và ý kiến của phía bị đơn: Tại Công văn số 278/XNC ngày 30/01/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N có thông tin: trường hợp Đoàn Văn L, sinh ngày 14/9/1988; căn cước công dân số: 0370880132xx; nơi đăng ký thường trú: xóm D K (nay là xóm D), xã K, tỉnh Ninh Bình đã sử dụng cuốn hộ chiếu số E04025263 cấp ngày 20/11/2025, có giá trị đến ngày 20/11/2035 để xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 30/11/2025, qua Sân bay Quốc tế N, thành phố Hà Nội, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do anh Đoàn Văn L đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua thân nhân của bị đơn là bà Đinh Thị S (mẹ đẻ của anh L) tuy nhiên bà S từ chối ký nhận các văn bản của Tòa án; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Đoàn Văn L theo quy định của pháp luật tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2026 và biên bản làm việc ngày 14/5/2026 tại nhà bà Đinh Thị S (mẹ đẻ anh L) địa chỉ: xóm C (nay là thôn C), xã B, tỉnh Ninh Bình. Bà S cung cấp thông tin hàng ngày anh L vẫn gọi điện về nhà hỏi thăm bà nhưng anh L không nói địa chỉ cụ thể đang sống ở Nhật Bản nên bà cũng không biết. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh L bà không nắm được, việc chị H làm đơn xin ly hôn với anh L, bà đã được anh L trao đổi lại. Tuy nhiên đây là việc của vợ chồng anh L bà không có ý kiến gì. Về con, anh L và chị H có 2 con chung là cháu Đoàn Thị Bảo H1 và cháu Đoàn Thị Bảo T, từ khi anh H đi N làm ăn thì các cháu sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu nên tiếp tục để chị H nuôi dưỡng là hợp lý. Về tài sản bà không có ý kiến gì vì bà không nắm được tài sản của vợ chồng anh L.

Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 14/05/2026, bà S xác định anh L thường xuyên gọi điện về cho bà hàng ngày qua mạng xã hội. Thông qua bà Đinh Thị S (mẹ đẻ của anh L) đã gọi điện cho anh L qua mạng xã hội “zalo” có sự chứng

kiến của công an xã B, anh Đoàn Văn L đã trực tiếp có quan điểm cá nhân cụ thể là:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn hợp pháp năm 2011 tại UBND xã K (nay là UBND xã K) tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng đã dọn ra ở riêng tại xã K để tiện kinh doanh. Tuy nhiên do làm ăn không có hiệu quả nên anh đã sang Nhật Bản xuất khẩu lao động. Do điều kiện đi làm ăn xa nhưng anh cố gắng 1, 2 năm anh về thăm gia đình. Nhưng do vợ chồng xa cách nên đã nảy sinh nghi ngờ, không tin tưởng nhau. Vào cuối năm 2025 anh nghỉ phép về thăm gia đình, chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn thời điểm đó anh đã khuyên chị H cũng đã rút đơn. Tuy nhiên, khi anh vừa sang N một thời gian thì chị H tiếp tục nộp đơn ly hôn; nhưng giờ anh đang ở Nhật Bản không thể về giải quyết được, nên tùy chị H muốn giải quyết thế nào anh nhất trí. Về địa chỉ cụ thể anh đang ở đâu anh không thể cung cấp cho Tòa án, vì anh tránh ảnh hưởng đến công việc của anh đang làm.

Về con chung: anh và chị H có 2 con chung là cháu Đoàn Thị Bảo T sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1 sinh ngày 27/9/2018 hiện đều đang do chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện anh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc các cháu nên anh tạm đồng ý cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại xóm D K (nay là xóm D) xã K – nơi vợ chồng anh Lâm sinh S1 cung cấp: Khoảng năm 2020, anh L đi xuất khẩu lao động Nhật Bản, chỉ có chị H sống cùng 2 con của anh chị, mấy năm anh H mới về thăm gia đình một vài ngày rồi cũng đi luôn. Việc mâu thuẫn của vợ chồng địa phương không nắm được rõ chỉ theo chia sẻ của chị H thì do vợ chồng sống xa nhau, anh L không quan tâm vợ con. Vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Thị Bảo T và cháu Đoàn Thị Bảo H1 đều đang sống cùng chị H còn anh Lâm phần L2 ở nước ngoài; chị H làm công việc nuôi thủy hải sản thu nhập hàng tháng ổn định và có thời gian chăm lo cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, 227, 228, khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Bảo T sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1 sinh ngày 27/9/2018 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18. Anh Đoàn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí: Chị Đinh Thị H nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Đoàn Văn L, sinh ngày 14/9/1988; căn cước công dân số: 0370880132xx; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm D K (nay là xóm D), xã K, tỉnh Ninh Bình; hiện đang sinh sống tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể). Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Đinh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Văn L hiện đang ở nước ngoài, đã được Tòa án thực hiện đầy đủ và hợp lệ thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định. Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng trước đó đã có quan điểm nhất trí ly hôn và việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị H và anh Đoàn Văn L được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là UBND xã K), tỉnh Ninh Bình vào ngày 25/8/2011, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của các đương sự cùng các tài liệu xác minh có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung của anh L và chị H phát sinh mâu thuẫn gay gắt, căng thẳng từ năm 2019 cho đến nay. Bản thân anh L đi nước ngoài thường xuyên trong thời gian dài, thi thoảng về thăm gia đình nhưng đời sống chung giữa hai vợ chồng không được cải thiện, hàn gắn khắc phục mâu thuẫn. Cuối năm 2025, chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn đối với anh Đoàn Văn L, tuy nhiên vì mong muốn cho nhau cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên trong khoảng thời gian đó giữa chị và anh L đều không tìm ra được cách khắc phục, cuộc sống vợ chồng vẫn xa cách nhau. Đến nay cả chị H và anh L đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng thuận ly hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng

dân sự; nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị H là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị H và anh Đoàn Văn L có hai con chung là cháu Đoàn Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1, sinh ngày 27/9/2018. Xét đề nghị của chị H và nguyện vọng của cháu T, cháu H1; Hội đồng xét xử thấy từ khi anh L đi xuất khẩu lao động, cháu T, cháu H1 đều do một mình chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Hiện tại anh L đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên không có điều kiện thực tế để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa anh L cũng có quan điểm tạm đồng ý giao hai con cho chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, tránh làm xáo trộn tâm sinh lý và môi trường sống của trẻ, cần căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị Đinh Thị H, giao cháu Đoàn Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1, sinh ngày 27/9/2018 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Đinh Thị H không yêu cầu anh Đoàn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

“Chị Đinh Thị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh Đoàn Văn L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh Đoàn Văn L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về con riêng: không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và công nợ: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 121, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 179, 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 273, 464, khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đoàn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Bảo T sinh ngày 27/9/2012 và cháu Đoàn Thị Bảo H1 sinh ngày 27/9/2018 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

“Chị Đinh Thị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh Đoàn Văn L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh Đoàn Văn L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về con riêng: không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và công nợ: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000745 ngày 10/02/2026 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đinh Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Đoàn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- UBND xã K,
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Hữu Ý

